

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2023/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Ngành, nghề - lĩnh vực hỗ trợ đầu tư, quy mô đầu tư

Ngành, nghề - lĩnh vực hỗ trợ đầu tư, quy mô đầu tư của tỉnh Vĩnh Long được quy định cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Điều kiện để được hưởng hỗ trợ đầu tư

Khi dự án đầu tư đã hoàn thành, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng thì được xem xét hỗ trợ”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hỗ trợ về tín dụng

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn, tính trên dư nợ thực tế của phần vốn vay trong hạn để đầu tư tài sản cố định từ các ngân hàng thương mại trong nước hoặc từ Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh. Tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án đối với dự án có tổng vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở xuống và không quá 10 tỷ đồng/dự án đối với dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng.

2. Phương thức hỗ trợ

Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền lãi vay đối với các kỳ trả lãi được hỗ trợ. Số tiền hỗ trợ được thanh toán theo định kỳ 6 tháng hoặc hàng năm”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Hỗ trợ đầu tư Khu, Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng đường giao thông đến hàng rào Khu, Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tính từ điểm đầu nối với trục giao thông chính. Tổng mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/ dự án.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng với mức hỗ trợ không quá 25 tỷ đồng/Khu, Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án mới có chuyển giao công nghệ

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% kinh phí đối với đầu tư dự án mới có chuyển giao công nghệ nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ: Phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Dự án đầu tư mới có chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số

76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

b) Nhà đầu tư cung cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao của cơ quan có thẩm quyền theo quy định”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Các tổ chức hoặc cá nhân phải có văn bản xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký tham gia công tác vận động mời gọi đầu tư trước khi tiến hành vận động mời gọi đầu tư. Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm: 01 Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư (Theo Mẫu 3, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư của tổ chức hoặc cá nhân, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xác nhận gửi theo đường bưu điện hoặc trao trực tiếp cho đối tượng đã đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm e khoản 1 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e. Các tài liệu khác kèm theo:

Ngoài các thành phần hồ sơ quy định trên, tương ứng với từng loại chính sách được quy định tại Chương II của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long, nhà đầu tư đề nghị được hỗ trợ phải cung cấp các tài liệu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan như:

- Đối với hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng và thanh lý hợp đồng việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng và lập dự án đầu tư (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn: Nhà đầu tư cung cấp giấy phép môi trường (hoặc giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014), kèm theo hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định; dự toán hạng mục công trình; hợp đồng và thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ tín dụng: Nhà đầu tư cung cấp dự toán hạng mục công trình; hợp đồng tín dụng vay để đầu tư tài sản cố định; phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có); khế ước nhận nợ; hồ sơ, tài liệu trả lãi vay (bản sao có chứng thực); sao kê dư nợ tín dụng; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông các dự án ở bên ngoài các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Nhà đầu tư cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ đầu tư về Khu, Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Nhà đầu tư cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến rau, củ, quả; xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao: Nhà đầu tư cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: Nhà đầu tư cung cấp phiếu đăng ký tham gia khóa đào tạo theo kế hoạch chiêu sinh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức; tài liệu chứng nhận hoàn thành khóa học.

- Đối với hỗ trợ chi phí quảng cáo: Nhà đầu tư cung cấp các hợp đồng quảng cáo sản phẩm mới với các đơn vị truyền thông; thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng với các đơn vị tổ chức sự kiện trong quá trình tham gia xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án mới có chuyển giao công nghệ: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng mua bán máy móc thiết bị mới, được ký kết giữa doanh nghiệp và đơn vị cung cấp; thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực)".

8. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 như sau:

Phụ lục I

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ - LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ, QUY MÔ ĐẦU TƯ CỦA TỈNH VĨNH LONG

STT	NGÀNH, NGHỀ - LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ
1	Xây dựng khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	100 ha trở lên
2	Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	05 ha trở lên
3	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung	05 ha trở lên
4	Chế biến, bảo quản nông, thủy sản, dược liệu	công suất cơ sở phải đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày
5	Đầu tư mới cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến tập trung công nghiệp	200 con gia súc ngày/đêm trở lên hoặc 2.000 con gia cầm ngày/đêm trở lên
6	Phát triển công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp	02 ha trở lên hoặc dự án có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên
7	Trồng cây dược liệu, sản xuất nông nghiệp hữu cơ	20 ha trở lên
8	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với vùng cây ăn quả	30 ha trở lên
9	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với vùng sản xuất rau màu	20 ha trở lên
10	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao	50 ha trở lên
11	Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản	20 ha trở lên
12	Sản xuất nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học	20 ha trở lên
13	Đầu tư sản xuất các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học	5.000 tấn/năm trở lên
14	Sản xuất phân bón hữu cơ, nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh	30.000 tấn/năm trở lên
15	Đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	10 ha trở lên
16	Trung tâm dịch vụ logistic	03 ha trở lên
17	Kho hàng hóa, kho lạnh, phát triển chuỗi logistic lạnh thông minh, khuyến khích xuất khẩu rau, củ, quả Việt Nam	1.000 tấn trở lên

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, tên, điểm, khoản, điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Bãi bỏ Điều 9.

2. Bỏ cụm từ “nhưng không quá cấp đường đầu nối”, “và phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh” và thay thế cụm từ “Phụ lục kèm theo Nghị quyết này” thành “Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này” tại Điều 12.

3. Bãi bỏ điểm a khoản 4 Điều 14.

4. Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 20.

5. Bãi bỏ Điều 23.

6. Thay thế tên “Phụ lục 2” bằng “Phụ lục II”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa X, kỳ họp chuyên đề lần thứ 3 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 4 năm 2023.

b) Quy định chuyển tiếp

Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư đã triển khai thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm